TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐĂK TÔ** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/DS-ST
Ngày 16/6/2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐĂK TÔ –TỈNH KON TUM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Bá Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Hồng Tự và ông A Bông.

Thư ký phiên toà: Ông Tô Quang Đô – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Bà Y Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 16/6/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2020/TLST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2020, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/QĐXXST ngày 27/4/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng A

Địa chỉ: 266, 268 đường NKKN, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Mai Xuân Hạnh P – Giám đốc Chi nhánh Kon Tum - và/hoặc ông Huỳnh Văn T , Phó Giám đốc Chi nhánh Kon Tum - và/hoặc ông Dương Thọ Q - Trưởng phòng Phòng giao dịch huyện Ngọc Hồi, Chi nhánh Kon Tum - Ngân hàng A (Giấy ủy quyền số 3960/2019/GUQ-PL ngày 16/12/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng A và Giấy ủy quyền số 01/2020/GUQ-CNKT và số 18/2020/GUQ-CNKT cùng ngày 02/01/2020 của Giám đốc Ngân hàng A – Chi nhánh Kon Tum). Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q .

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị M .

Cùng địa chỉ: Thôn 5, xã T, huyện C, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn Ngân hàng A (viết tắt là Ngân hàng SGTT) trình bày:

Ngày 11/12/2018, Ngân hàng SGTT đã cho anh Nguyễn Văn Q vay số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng, theo hợp đồng tín dụng LD1833800096 ngày 04/12/2018, lãi suất vay trong hạn 11%/năm (không có điều chỉnh lãi suất vay); lãi suất quá hạn bằng 150 % lãi suất trong hạn (16,5%/năm); thời hạn vay 12 tháng, từ ngày 11/12/2018 đến ngày 11/12/2019; lãi trả ngày 5 hàng tháng, gốc trả cuối kỳ (12 tháng/kỳ), mục đích vay là bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp.

Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng nêu trên, bà Nguyễn Thị M (là mẹ của anh Nguyễn Văn Q) đã đứng ra bảo lãnh và thế chấp tài sản của bà M như sau:

Thửa đất số 111, bản đồ số 41, có cây bời lời gắn liền với thửa đất, tại địa chỉ: Thôn Đăk Tăng, xã Ngọc Tụ, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 396782, số vào sổ cấp GCN: CH 03393, ngày 30/6/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Tô cấp cho bà Nguyễn Thị M .

Thửa đất số 112, bản đồ số 41, có cây bời lời gắn liền với thửa đất, tại địa chỉ: Thôn Đăk Tăng, xã Ngọc Tụ, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 396783, số vào sổ cấp GCN: CH 03394, ngày 30/6/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Tô cấp cho bà Nguyễn Thị M .

Thửa đất số 130, bản đồ số 41, tại địa chỉ: Thôn Đăk Tăng, xã Ngọc Tụ, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 396784, số vào sổ cấp GCN: CH 03395, ngày 30/6/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Tô cấp cho bà Nguyễn Thị M .

Thửa đất số 131, bản đồ số 41, tại địa chỉ: Thôn Đăk Tăng, xã Ngọc Tụ, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 396785, số vào sổ cấp GCN: CH 03396, ngày 30/6/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Tô cấp cho bà Nguyễn Thị M .

Thửa đất số 132, bản đồ số 41, tại địa chỉ: Thôn Đăk Tăng, xã Ngọc Tụ, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 396786, số vào sổ cấp GCN: CH 03397, ngày 30/6/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Tô cấp cho bà Nguyễn Thị M .

Thửa đất số 140, bản đồ số 41, có cây cao su, cây bời lời gắn liền với thửa đất, tại địa chỉ: Thôn Đăk Tăng, xã Ngọc Tụ, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 396787, số vào sổ cấp GCN: CH 03398, ngày 30/6/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Tô cấp cho bà Nguyễn Thị M .

Các tài sản bảo đảm nên trên được thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 553/2018/HĐTC/PGDNH ngày 05 tháng 12 năm 2018, được công chứng ngày 05 tháng 12 năm 2018 tại Văn phòng Công chứng Việt Hoàng và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 06/12/2018 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum, bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi, phí, các khoản phải trả khác.

Tính từ thời điểm giải ngân đến nay, anh Nguyễn Văn Q không thanh toán tiền lãi và gốc. Ngày 12/12/2019, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay của anh Nguyễn Văn Q sang nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng SGTT yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc anh Nguyễn Văn Q trả số tiền nợ 597.267.123 đồng, trong đó: Nợ gốc là 500.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn từ ngày 12/12/2018 đến ngày 11/12/2019 là 55.000.000 đồng; lãi quá hạn từ ngày 12/12/2019 đến ngày xét xử là 42.267.123 đồng và tiền lãi kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Trường hợp anh Nguyễn Văn Q không trả hoặc trả không đầy đủ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của bà Nguyễn Thị M để trả nợ.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp của bà Nguyễn Thị M mà không trả đủ số tiền trên thì anh Nguyễn Văn Q có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Q và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M vắng mặt không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Nguyễn Văn Q trả nợ gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật; phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và án phí dân sự.

Trường hợp anh Nguyễn Văn Q không trả hoặc trả không đầy đủ thì xử lý tài sản thế chấp của bà Nguyễn Thị M để trả nợ.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp của Nguyễn Thị M mà không trả đủ số tiền trên thì anh Nguyễn Văn Q có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn Q , người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Ngân hàng SGTT và anh Nguyễn Văn Q tranh chấp hợp đồng tín dụng, mục đích sử dụng tiền vay để bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp. Đây là tranh chấp về dân sự, Tòa án thụ lý đơn khởi kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Căn cứ hợp đồng tín dụng số LD1833800096 ngày 04/12/2018 thì anh Nguyễn Văn Q vay của Ngân hàng SGTT số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng, lãi suất vay trong hạn 11%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150 % lãi suất trong hạn (16,5%/năm); thời hạn vay 12 tháng, từ ngày 11/12/2018 đến ngày 11/12/2019; lãi trả ngày 5 hàng tháng, gốc trả cuối kỳ (12 tháng/kỳ). Khoản nợ trên đã quá hạn nhưng anh Nguyễn Văn Q chưa trả.

Về tiền lãi:

Lãi trong hạn (từ ngày 12/12/2018 đến ngày 11/12/2019): 500.000.000 đồng x 11%/năm x 365 ngày = 55.000.000 đồng.

Lãi quá hạn (từ ngày 12/12/2019 đến ngày xét xử 16/6/2020): 500.000.000 đồng x 16,5%/năm x 187 ngày = 42.267.123 đồng.

Tổng cộng tiền gốc và lãi còn nợ là 597.267.123 đồng, buộc anh Nguyễn Văn Q phải trả cho Ngân hàng SGTT.

[4] Để đảm bảo cho khoản tiền vay, Ngân hàng SGTT với bà Nguyễn Thị M đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 553/2018/HĐTC/PGDNH ngày 05 tháng 12 năm 2018, được công chứng ngày 05 tháng 12 năm 2018 tại Văn phòng Công chứng Việt Hoàng và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 06/12/2018 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum, gồm các tài sản sau:

Thửa đất số 111, bản đồ số 41, có cây bời lời gắn liền với thửa đất, tại địa chỉ: Thôn Đăk Tăng, xã Ngọc Tụ, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 396782, số vào sổ cấp GCN: CH 03393, ngày 30/6/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Tô cấp cho bà Nguyễn Thị M .

Thửa đất số 112, bản đồ số 41, có cây bời lời gắn liền với thửa đất, tại địa chỉ: Thôn Đăk Tăng, xã Ngọc Tụ, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 396783, số vào sổ cấp GCN: CH 03394, ngày 30/6/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Tô cấp cho bà Nguyễn Thị M .

Thửa đất số 130, bản đồ số 41, tại địa chỉ: Thôn Đăk Tăng, xã Ngọc Tụ, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 396784, số vào sổ cấp GCN: CH 03395, ngày 30/6/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Tô cấp cho bà Nguyễn Thị M .

Thửa đất số 131, bản đồ số 41, tại địa chỉ: Thôn Đăk Tăng, xã Ngọc Tụ, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 396785, số vào sổ cấp GCN: CH 03396, ngày 30/6/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Tô cấp cho bà Nguyễn Thị M .

Thửa đất số 132, bản đồ số 41, tại địa chỉ: Thôn Đăk Tăng, xã Ngọc Tụ, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 396786, số vào sổ cấp GCN: CH 03397, ngày 30/6/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Tô cấp cho bà Nguyễn Thị M .

Thửa đất số 140, bản đồ số 41, có cây cao su, cây bời lời gắn liền với thửa đất, tại địa chỉ: Thôn Đăk Tăng, xã Ngọc Tụ, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 396787, số vào sổ cấp GCN: CH 03398, ngày 30/6/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Tô cấp cho bà Nguyễn Thị M .

Trong hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và Giấy cam kết của anh Nguyễn Văn Q , bà Nguyễn Thị M có thỏa thuận và cam kết: Các tài sản gắn liền với thửa đất đều thuộc tài sản thế chấp. Những tài sản này chưa bán, chuyển nhượng cho ai dưới bất kỳ hình thức nào. Nghĩa vụ được bảo đảm bao gồm toàn bộ nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi, phí, các khoản phải trả khác tại hợp đồng tín dụng LD1833800096 ngày 04/12/2018. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được công chứng, được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất nên có hiệu lực pháp luật. Vì vậy, trường hợp anh Nguyễn Văn Q không trả hoặc trả không đầy đủ thì xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật thi hành án dân sự để trả nợ cho Ngân hàng.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 19.000.000 (mười chín triệu) đồng. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền này. Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Nguyễn Văn Q phải trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng SGTT.

[6] Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 3.000.000 (ba triệu) đồng, nguyên đơn Ngân hàng SGTT phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Nguyễn Văn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 27.890.600 đồng, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 292; 293; 298; 299; 317; 318; 319; 357; 466; 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 và các Điều 91; 95 Luật Các tổ chức tín dụng.

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A .

Buộc anh Nguyễn Văn Q trả cho Ngân hàng A số số tiền 597.267.123 (năm trăm chín mươi bảy triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm hai mươi ba) đồng, trong đó: Tiền gốc là 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng; tiền lãi trong hạn là 55.000.000 đồng; tiền lãi quá hạn tính đến ngày xét 16/6/2020 là 42.267.123 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17/6/2020) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LD1833800096 ngày 04/12/2018, giữa Ngân hàng A và anh Nguyễn Văn Q .

Trường hợp anh Nguyễn Văn Q không trả hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp của bà Nguyễn Thị M để trả nợ, gồm có:

Thửa đất số 111, bản đồ số 41, có cây bời lời gắn liền với thửa đất, tại địa chỉ: Thôn Đăk Tăng, xã Ngọc Tụ, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 396782, số vào sổ cấp GCN: CH 03393, ngày 30/6/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Tô cấp cho bà Nguyễn Thị M .

Thửa đất số 112, bản đồ số 41, có cây bời lời gắn liền với thửa đất, tại địa chỉ: Thôn Đăk Tăng, xã Ngọc Tụ, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 396783, số vào sổ cấp GCN: CH 03394, ngày 30/6/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Tô cấp cho bà Nguyễn Thị M .

Thửa đất số 130, bản đồ số 41, tại địa chỉ: Thôn Đăk Tăng, xã Ngọc Tụ, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 396784, số vào sổ cấp GCN: CH 03395, ngày 30/6/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Tô cấp cho bà Nguyễn Thị M .

Thửa đất số 131, bản đồ số 41, tại địa chỉ: Thôn Đăk Tăng, xã Ngọc Tụ, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 396785, số vào sổ cấp GCN: CH 03396, ngày 30/6/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Tô cấp cho bà Nguyễn Thị M .

Thửa đất số 132, bản đồ số 41, tại địa chỉ: Thôn Đăk Tăng, xã Ngọc Tụ, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở

hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 396786, số vào sổ cấp GCN: CH 03397, ngày 30/6/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Tô cấp cho bà Nguyễn Thị M .

Thửa đất số 140, bản đồ số 41, có cây cao su, cây bời lời gắn liền với thửa đất, tại địa chỉ: Thôn Đăk Tăng, xã Ngọc Tụ, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 396787, số vào sổ cấp GCN: CH 03398, ngày 30/6/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Tô cấp cho bà Nguyễn Thị M .

Trường hợp tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì anh Nguyễn Văn Q phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A .

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Áp dụng các Điều 155; 156; 157; 158 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Buộc anh Nguyễn Văn Q phải hoàn trả cho Ngân hàng A số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 19.000.000 (mười chín triệu) đồng.

Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Áp dụng khoản 2 Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngân hàng A phải chịu chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 3.000.000 đồng. Ngân hàng A đã nộp đủ theo Lệnh chuyển tiền, Giấy chuyển tiền mặt ngày 11/3/2020, tại Ngân hàng A , Phòng Giao dịch Ngọc Hồi - chi nhánh tỉnh Kon Tum.

Về án phí: Áp dụng Điều 144; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Nguyễn Văn Q phải chịu 27.890.600 (hai mươi bảy triệu tám trăm chín mươi nghìn sáu trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng A 13.283.000 đồng tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003669 ngày 24/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30

Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đăk Tô;
- Chi cục THADS huyện Đăk Tô;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bá Bình